

Bản án số: 574/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 07/6/2021

V/v : “Ly hôn”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Phụng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Liên
2. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Kim Thông - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1158/2020/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 88/2021/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị H – sinh năm: 1997 (xin vắng mặt)

Hộ khẩu thường trú: xã N, huyện T, tỉnh Quảng Bình

Tạm trú: Số 17, 2A/1D khu phố Đ, phường B, thị xã T, tỉnh Bình Dương

Bị đơn: Ông Trần Quốc T – sinh năm: 1997 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 20, ấp 2, xã Đ, huyện H, TP.HCM

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/7/2020, bản tự khai ngày 11/01/2021, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày:

Bà và ông Trần Quốc T tự nguyện kết hôn năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND phường 3, quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi cưới vợ chồng sống bên chồng, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến tháng 4/2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân không cùng quan điểm sống, tranh cãi nhau thường xuyên, không tôn trọng nhau, vợ chồng bà đã ly thân từ tháng 7 năm 2019 cho đến nay, mỗi người có cuộc sống riêng.

Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc hôn nhân của bà chỉ còn là hình thức nên bà có nguyện vọng được ly hôn với ông T.

- Về con chung: 01 trẻ tên Trần Quốc A, sinh ngày 08/4/2019, bà H yêu cầu được nuôi trẻ A, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Nợ chung: Không có.

Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt không lý do. Phía nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Vì đây là tranh chấp ly hôn và bị đơn cư ngụ tại huyện Hóc Môn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo các qui định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông T tự nguyện tiến đến hôn nhân. Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 51/2018, do Ủy ban nhân dân phường 3, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/5/2018 thì đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của bà H: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại đơn xin vắng mặt, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông T. Do tháng 4/2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không cùng quan điểm sống, tranh cãi nhau thường xuyên, không tôn trọng nhau, vợ chồng bà đã ly thân từ tháng 7 năm 2019 cho đến nay, mỗi người có cuộc sống riêng. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc hôn nhân của bà chỉ còn là hình thức nên bà có nguyện vọng được ly hôn với ông T.

Hội đồng xét thấy, từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập và thông báo về phiên hòa giải để vợ chồng trở về đoàn tụ với nhau nhưng ông T vẫn cố tình né tránh không đến Tòa án, không trình bày ý kiến, yêu cầu của mình. Điều này chứng tỏ ông T không có thiện chí để vợ chồng đoàn tụ, hàn gắn trở về chung sống với nhau, ngoài ra, hai người đã không chung sống với nhau gần 02 năm nay, một quãng thời gian khá dài mà không có biện pháp hàn gắn, kết nối với nhau, mỗi người giờ đã có cuộc sống riêng.

Nhận thấy đời sống chung vợ chồng của bà H, ông T đang ở trong tình trạng trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể kéo dài. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống, bà H và ông T có 01 người con tên Trần Quốc A, sinh ngày 08/4/2019, bà H yêu cầu được nuôi trẻ A, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét thấy, trẻ A còn quá nhỏ, chưa được 03 tuổi, cần phải có sự chăm sóc đặc biệt của người mẹ để trẻ được phát triển tốt hơn, do đó Hội đồng chấp nhận yêu cầu về việc bà H được trực tiếp nuôi trẻ A.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng không xem xét.

Về tài sản chung: Đương sự khai không có.

Về nợ chung: Đương sự khai không có.

[6] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu quan điểm về phần thủ tục tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng dân sự theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử áp dụng, tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Xét đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[7] Về án phí:

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, bà Lê Thị H phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị H được ly hôn với ông Trần Quốc T.

2. Về con chung: Giao bà H trực tiếp nuôi trẻ Trần Quốc A, sinh ngày 08/4/2019. Tạm ngừng tiền cấp dưỡng nuôi con của ông Trần Quốc T cho đến khi có yêu cầu của bà H.

Vì lợi ích của con chung, sau khi ly hôn bên không trực tiếp nuôi con có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có

4. Nợ chung: Không có.

5. Về án phí:

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Lê Thị H phải chịu là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng mà bà H đã nộp theo biên lai số 0076629 ngày 03 tháng 11 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND H.Hóc Môn;
- Chi Cục THADS H.Hóc Môn;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Kim Phụng